TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **127**/2026/QĐST-DS	*Huế, ngày 03 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 98/2026/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N1; địa chỉ trụ sở: Số B L, phường G, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc B; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N1 - chi nhánh P1; địa chỉ: Số G đường L, xã P, thành phố H (Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Phước Thành N; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N1 - chi nhánh P1 (Giấy ủy quyền số 459/UQ-NHNo-PLHUE ngày 16/4/2026).

- *Bị đơn:* Bà Vương Thị T, sinh năm 1952; căn cước công dân số 046152003866 cấp ngày 11/8/2021; địa chỉ: Thôn Đ, xã C - L, thành phố H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 1976; căn cước công dân số 046176009338 cấp ngày 11/8/2021; địa chỉ: Thôn Đ, xã C - L, thành phố H.

+ Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1978; căn cước công dân số 046178012701 cấp ngày 11/8/2021; địa chỉ: Thôn Đ, xã C - L, thành phố H.

+ Anh Nguyễn T2, sinh năm 1979; căn cước công dân số 046079007395 do cấp ngày 15/8/2021; địa chỉ: Thôn Đ, xã C - L, thành phố H.

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ T3, sinh năm 1982; căn cước công dân số 046182005453 cấp ngày 14/02/2022; địa chỉ: Thôn Đ, xã C - L, thành phố H.

+ Chị Nguyễn Thị Ánh T4, sinh năm 1984; Hộ chiếu số 352420319; địa chỉ: Thôn Đ, xã C - L, thành phố H.

+ Anh Nguyễn H, sinh năm 1986; căn cước số 046086009047 cấp ngày 20/4/2026; địa chỉ: Thôn Đ, xã C - L, thành phố H.

+ Chị Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1988; căn cước công dân số 046188006328 cấp ngày 11/02/2022; địa chỉ: Thôn Đ, xã C - L, thành phố H.

+ Anh Nguyễn B1, sinh năm 1991; căn cước công dân số 046091006467 cấp ngày 25/9/2024; địa chỉ: Thôn Đ, xã C - L, thành phố H.

+ Anh Nguyễn R, sinh năm 1993; căn cước công dân số 04609300488 cấp ngày 12/01/2022; địa chỉ: Thôn Đ, xã C - L, thành phố H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Bà Vương Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Chị Nguyễn Thị Thùy T1, chị Nguyễn Thị Kim C, anh Nguyễn T2, chị Nguyễn Thị Mỹ T3, chị Nguyễn Thị Ánh T4, anh Nguyễn H, chị Nguyễn Thị Thanh P, anh Nguyễn B1, anh Nguyễn R thừa nhận bà Vương Thị T và ông Nguyễn T5 (đã chết) còn nợ Ngân hàng N1 số tiền tính đến ngày 16/7/2026 là 475.514.541 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm mười bốn ngàn, năm trăm bốn mươi mốt đồng chẵn), trong đó: Nợ gốc: 298.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 137.469.508 đồng, nợ lãi quá hạn: 40.045.033 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 4005LAV201904168 ngày 26/12/2019, Hợp đồng tín dụng số 4005LAV202100804 ngày 26/03/2021 và khế ước nhận nợ.

2.2. Về phương thức, nghĩa vụ thanh toán: Bà Vương Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thùy T1, chị Nguyễn Thị Kim C, anh Nguyễn T2, chị Nguyễn Thị Mỹ T3, chị Nguyễn Thị Ánh T4, anh Nguyễn H, chị Nguyễn Thị Thanh P, anh Nguyễn B1, anh Nguyễn R có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N1 số tiền 475.514.541 đồng vào ngày 15/11/2026.

Kể từ ngày 17/7/2026, bà Vương Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thùy T1, chị Nguyễn Thị Kim C, anh Nguyễn T2, chị Nguyễn Thị Mỹ T3, chị Nguyễn Thị Ánh T4, anh Nguyễn H, chị Nguyễn Thị Thanh P, anh Nguyễn B1, anh Nguyễn R còn phải tiếp tục chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc.

Trường hợp bà Vương Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thùy T1, chị Nguyễn Thị Kim C, anh Nguyễn T2, chị Nguyễn Thị Mỹ T3, chị Nguyễn Thị Ánh T4, anh Nguyễn H, chị Nguyễn Thị Thanh P, anh Nguyễn B1, anh Nguyễn R không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng N1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 90, tờ bản đồ 64, diện tích 436 m^2, địa chỉ: Thôn Đ, xã C-L, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 947467 do Ủy ban nhân dân huyện P (cũ) cấp ngày 16/08/2007 cho ông Nguyễn T5, bà Vương Thị T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/11/LC/HĐTC ngày 20/01/2011, Hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 24/08/2017.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thì bà Vương Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng N1.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Vương Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thùy T1, chị Nguyễn Thị Kim C, anh Nguyễn T2, chị Nguyễn Thị Mỹ T3, chị Nguyễn Thị Ánh T4, anh Nguyễn H, chị Nguyễn Thị Thanh P, anh Nguyễn B1, anh Nguyễn R tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 11.510.290 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng N1 số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 11.349.444 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001784 ngày 28/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H.

2.4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn bà Vương Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000 đồng. Ngân hàng N1 đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên bà Vương Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện và thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Huế;
- VKSND TP Huế;
- THADS TP Huế;
- VKSND khu vực 4 – Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 – Huế;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu án văn.

THẨM PHÁN

Đoàn Anh Nga